
HIỆP ĐỊNH UKVFTA: NHỮNG CƠ HỘI, TRỞ NGẠI TRONG XUẤT KHẨU VÀ GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM

Ngô Thị Tuyết Mai

Viện Thương mại & Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: ngothituyetmai@neu.edu.vn

Mã bài báo: JED - 294

Ngày nhận: 19/07/2021

Ngày nhận bản sửa: 26/09/2021.

Ngày duyệt đăng: 05/10/2021

Tóm tắt:

Bài nghiên cứu vận dụng lý thuyết hội nhập kinh tế quốc tế để chỉ ra khả năng tận dụng những cơ hội thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Vương quốc Anh trong bối cảnh thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA). Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với thống kê mô tả. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc thực thi Hiệp định UKVFTA có thể tạo cơ hội xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Anh nếu như Việt Nam thực hiện nghiêm túc các cam kết cùng với giải pháp phù hợp (hoàn thiện và minh bạch hóa hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách; cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về Hiệp định và những quy định của Việt Nam về chính sách xuất khẩu, nhập khẩu cho các doanh nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường hoạt động xúc tiến xuất khẩu,...).

Từ khóa: FTA, Vương quốc Anh, UKVFTA.

Mã JEL: F15, F53.

United Kingdom - Vietnam Free Trade Agreement (UKVFTA): Opportunities, obstacles to exports and solutions for Vietnam

Abstract:

The paper applies the theory of International Economic Integration to show the possibility of taking advantage of opportunities from UKVFTA for promoting Vietnam's exports to the United Kingdom (UK). The study employs a quantitative approach with descriptive statistical analysis. The results show that the implementation of the UKVFTA could create opportunities to increase the export of Vietnamese products to the UK in the coming time if Vietnam strictly follows the commitments with appropriate measures (providing accurate and timely information on practicing the Agreement as well as updated local import and export policy; perfecting and clarifying the legal system, mechanisms and policies; training of high-quality human resources; promoting export opportunities, ...) to promote exports from Vietnam to the UK when implementing the UKVFTA.

Keywords: Free trade agreement, The United Kingdom, United Kingdom-Vietnam Free Trade Agreement.

JEL code: F15, F53.

1. Giới thiệu chung

Vương quốc Anh (UK) là nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới về tổng sản phẩm quốc nội (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Đức) năm 2020 (Ngân hàng Thế giới - WB, 2021). Trong bối cảnh UK đã chính thức rời khỏi Liên minh châu Âu (EU), việc thực thi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA) tạo nên một khung khổ pháp lý toàn diện, ổn định và điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại của hai bên không bị ngưng trệ và tiếp tục phát triển. Nhưng vấn đề đặt ra là làm thế nào để có thể giúp các doanh nghiệp Việt Nam có nhận diện và biết cách tận dụng những cơ

hội, giảm thiểu những trở ngại trong quá trình thực thi Hiệp định, góp phần thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang UK thời gian tới?

Bài nghiên cứu, trước hết tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến chủ đề nghiên cứu; sau đó, giới thiệu khái quát về Hiệp định UKVFTA và thực trạng xuất khẩu của Việt Nam sang UK trước khi phân tích những cơ hội và trở ngại đối với xuất khẩu của Việt Nam sang UK trong bối cảnh thực hiện Hiệp định. Từ kết quả nghiên cứu đó, bài viết sẽ rút ra những kết luận và hàm ý chính sách cho Chính phủ Việt Nam trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến thương mại trong nội khối nói chung, xuất khẩu hàng hóa nói riêng thường được các nhà kinh tế xem xét dưới hai góc độ: Tác động tĩnh (Static effect) và tác động động (Dynamic effect).

Về mặt lý thuyết, *tác động tĩnh* của hội nhập kinh tế được Viner (1950) lần đầu tiên giới thiệu trong cuốn sách “Vấn đề Liên minh hải quan” (The customs union issue). Tác động tĩnh của liên minh hải quan (CU) gồm tác động tạo lập thương mại (trade creation) và tác động chuyển hướng thương mại (trade diversion). Việc hình thành CU có tác động thúc đẩy thương mại tự do trong nội khối bởi vì những trở ngại thương mại trong nội khối được xóa bỏ. Tuy nhiên, tác động chung của CU đối với phúc lợi của các quốc gia thành viên còn phụ thuộc vào mức độ tác động tương quan của tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại (Ngô Thị Tuyết Mai & Nguyễn Như Bình, 2019).

Lý thuyết CU của Viner đã được nhiều nhà kinh tế quan tâm và phát triển. Meade (1955) cho rằng khi cầu co giãn hơn, hội nhập kinh tế có thể tăng khối lượng thương mại ngay cả khi xảy ra chuyển hướng thương mại. Lipsey (1957) và Bhagawati (1970) đã chỉ ra chuyển hướng thương mại có thể làm tăng phúc lợi của quốc gia. Chuyển hướng thương mại có thể không dẫn đến những tác động xấu đến phúc lợi quốc gia nếu xem xét những tác động thay thế cho người tiêu dùng với giá cả thấp hơn sau khi loại bỏ thuế nhập khẩu (Cooper & Massell, 1965; Promfret, 1997). Các thỏa thuận thương mại khu vực có thể cải thiện phúc lợi quốc gia thành viên khi chính phủ dỡ bỏ các rào cản thương mại, và điều đó sẽ tăng khả năng tiếp cận thị trường cho các nhà xuất khẩu nước ngoài (Burfisher, 2002).

Tác động động của hội nhập kinh tế đã được Balassa (1961) và các nhà nghiên cứu khác kế thừa và phát triển những kết quả nghiên cứu của Viner (1950). Balassa (1961) cho rằng những tác động tĩnh không đủ để phân tích đầy đủ những phúc lợi quốc gia đạt được từ hội nhập kinh tế. Những tác động động chủ yếu của hội nhập kinh tế đối với phúc lợi quốc gia gồm: tăng tính cạnh tranh giữa các quốc gia thành viên, kinh tế theo quy mô được mở rộng, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, khuyến khích đầu tư,... và do đó, sản xuất và xuất khẩu có hiệu quả hơn. Nhiều nhà nghiên cứu khác như Allen (1963), Sheer (1981), El-Agra (1988), De Melo & Panagariya (1993), Fernandez (1997) cũng đồng tình quan điểm. Brada & Mendez (1988) còn cho rằng hội nhập kinh tế dẫn đến tăng đầu tư và giảm rủi ro. Schiff & Winters (1998) đã mô tả tác động động của hội nhập kinh tế đến tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của quốc gia trong trung hạn. Theo Goldstein (2002), những thỏa thuận hội nhập ngày nay đề cập về nhiều vấn đề hơn chỉ đơn thuần giảm thuế quan và hạn ngạch.

Nghiên cứu thực nghiệm của Snatos-Laulino (2002b) với 22 nước đang phát triển (áp dụng các mô hình dữ liệu bảng động, sử dụng phương pháp hồi quy/ước lượng GMM) cho thấy tự do hóa thương mại có tác động tích cực tới xuất khẩu, nhưng khác nhau giữa các nước. Kassim (2013) sử dụng phương pháp dữ liệu bảng để đánh giá tác động của tự do hóa thương mại đối với thương mại của 28 quốc gia châu Phi cận Sahara giai đoạn 1981-2010 cho thấy sự cắt giảm các rào cản thương mại đã có tác động tích cực đến cả xuất khẩu và nhập khẩu. Nghiên cứu Baker & cộng sự (2017), sử dụng mô hình cân bằng tổng thể, cho thấy việc thực thi Hiệp định EVFTA thúc đẩy tự do hóa thương mại, và xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang EU và UK dự báo sẽ tăng lên.

Cho đến nay, có một số nghiên cứu lạc quan về tác động tích cực của Hiệp định EVFTA đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU. Theo giáo sư Dordi (2016), khi thực hiện Hiệp định EVFTA, cả xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam đều phải đối mặt với những thách thức nhất định, nhưng những lợi ích mang lại cho nền kinh tế Việt Nam dường như lớn hơn những thách thức đó.

Nhiều nghiên cứu sử dụng các mô hình khác nhau để dự báo tác động của FTA đến thương mại. Nguyen (2016) sử dụng mô hình trọng lực và dữ liệu bảng để phân tích tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất

khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU. Bao (2016) sử dụng mô hình SMART và mô hình phân tích hồi quy để đánh giá ảnh hưởng của Hiệp định EVFTA đối với ngành gỗ Việt Nam. Vo & cộng sự (2018) áp dụng mô hình WITS-SMART phân tích tác động của Hiệp định EVFTA đối với xuất khẩu giày dép Việt Nam. Nguyen & Trinh (2021), sử dụng mô hình SMART và vận dụng lý thuyết tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại nghiên cứu xuất khẩu hàng nông nghiệp của Việt Nam sang EU khi thực hiện Hiệp định EVFTA. Nguyễn Tiến Hoàng & Phạm Văn Phúc Tân (2020) phân tích tác động của tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại từ kết quả sử dụng mô hình SMART đối với thủy sản của Việt Nam. Tran & cộng sự (2021) sử dụng mô hình WITS-SMART để đánh giá tác động của Hiệp định EVFTA đến trái cây Việt Nam. Tất cả các nghiên cứu trên đều cho thấy việc thực thi Hiệp định EVFTA có tác động tích cực đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU, đặc biệt là những mặt hàng Việt Nam có lợi thế như hàng dệt may, giày dép, thủy sản, sản phẩm đồ gỗ và trái cây,...

Như vậy, đã có nhiều nghiên cứu cả về lý thuyết và thực nghiệm chỉ ra những tác động của FTA nói chung, Hiệp định EVFTA nói riêng đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay, mặc dù Hiệp định UKVFTA đã có hiệu lực, nhưng chưa có nghiên cứu nào một cách đầy đủ về tác động của Hiệp định này đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang UK.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính nhằm khám phá sâu sắc, tìm hiểu và giải thích các hiện tượng xã hội trong bối cảnh tự nhiên của nó (Mays & Pope, 1995; Denzin & Lincoln, 1994). Với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, các nhà nghiên cứu muốn thu thập thông tin phong phú hơn, có được bức tranh chi tiết hơn về các vấn đề, trường hợp hoặc sự kiện (Arora & Stoner, 2009). Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng dựa trên nguồn dữ liệu thứ cấp, phân tích nội dung hoặc quan sát, tất cả đều không số hóa (Saunders & cộng sự, 2019). Các thước đo định lượng và phân tích thống kê không phù hợp với câu hỏi nghiên cứu thì sử dụng phương pháp định tính là lựa chọn tốt hơn (Creswell & Poth, 2016). Do đó, bài nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp thống kê mô tả và dữ liệu thứ cấp có liên quan đến chủ đề nghiên cứu từ các bài được đăng trên các tạp chí có uy tín ở trong nước và nước ngoài, cổng thông tin điện tử của các cơ quan có thẩm quyền nhà nước và của các tổ chức quốc tế như Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), WB, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Việc thu thập và xử lý dữ liệu tuân theo các nguyên tắc đạo đức một cách cẩn thận.

4. Khái quát về Hiệp định UKVFTA

Hiệp định UKVFTA kế thừa các cam kết đã có trong Hiệp định EVFTA, có những điều chỉnh phù hợp với quan hệ thương mại song phương giữa hai nước. Hiệp định chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

Hiệp định gồm 09 điều khoản, 01 phụ lục sửa đổi một số điều của lời văn trong Hiệp định thương mại tự do EU-Việt Nam (EUVFTA), 01 Thư song phương trao đổi giữa Việt Nam và UK, 01 Nghị định thư về Quy định hàng hóa có xuất xứ và Phương thức hợp tác quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa, và các Bản Chú giải.

Hiệp định UKVFTA là hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, có mức độ cam kết sâu rộng, toàn diện gồm nhiều lĩnh vực, và về cơ bản kế thừa toàn bộ các cam kết trong Hiệp định EUVFTA gồm: thương mại hàng hóa, quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ, đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và phát triển bền vững, hợp tác xây dựng năng lực và các vấn đề pháp lý - thể chế.

Về thương mại hàng hóa, Hiệp định UKVFTA cơ bản kế thừa các cam kết cắt giảm và xóa bỏ thuế quan của Việt Nam và UK theo lộ trình trong Hiệp định EVFTA. Đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang UK, sau 6 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, UK sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế (trương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam). Đối với hàng hóa Việt Nam nhập khẩu từ UK, Việt Nam kế thừa toàn bộ các cam kết trong Hiệp định EVFTA. Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế (chiếm 64,5% kim ngạch nhập khẩu); sau 6 năm, 91,8% số dòng thuế (trương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ Anh được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu); Sau 9 năm, mức xóa bỏ thuế quan là khoảng 98,3% số dòng thuế (chiếm 99,8% kim ngạch nhập khẩu). Đối với các dòng

thuế EU đã cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%. Ngoài ra, UK còn cam kết sẽ rà soát nâng lượng hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng gạo của Việt Nam sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

Về quy tắc xuất xứ, bên cạnh việc kế thừa các cam kết trong Nghị định thư 1 quy định hàng hóa có xuất xứ và phương thức hợp tác quản lý hành chính, hai bên cam kết cơ chế cộng gộp xuất xứ mở rộng cho phép hàng hóa của hai bên được sử dụng nguyên liệu được nhập khẩu từ các nước thành viên EU để sản xuất ra các sản phẩm cuối cùng xuất khẩu sang nước bên kia và được hưởng thuế suất ưu đãi của Hiệp định.

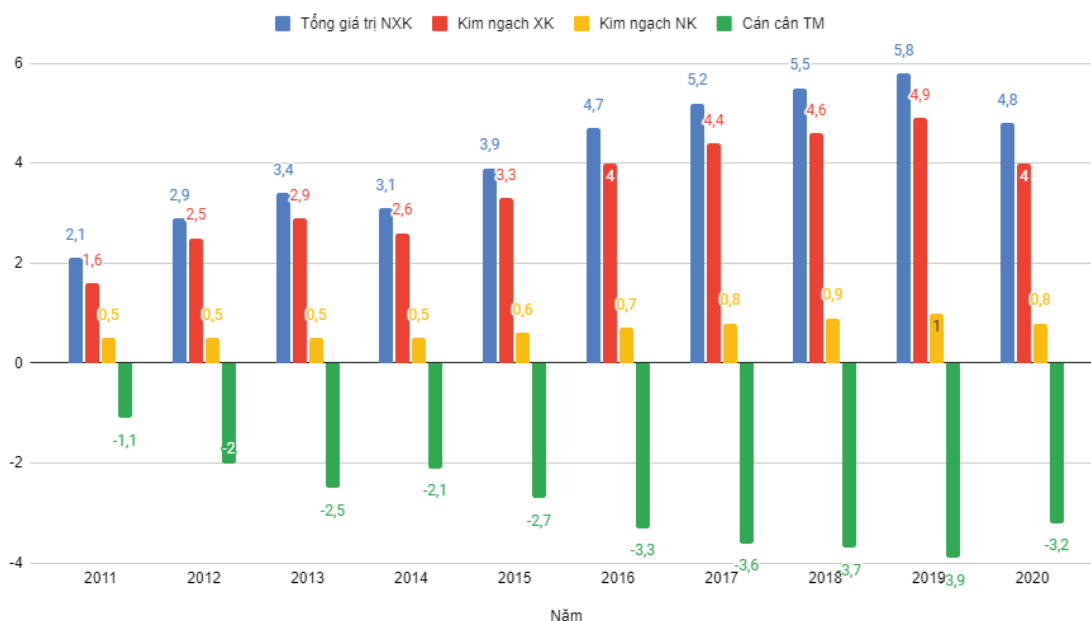
Các nội dung khác, Hiệp định cũng kế thừa các Chương liên quan tới cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, pháp lý - thể chế trong Hiệp định EVFTA. Các nội dung này phù hợp với hệ thống pháp luật của Việt Nam, tạo khuôn khổ pháp lý để hai bên tăng cường hợp tác, thúc đẩy sự phát triển của thương mại và đầu tư giữa hai bên. Hiệp định UKVFTA đảm bảo cân bằng về lợi ích cho cả hai bên, và phù hợp với các quy định của WTO (VCCI, 2021a).

5. Thực trạng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang UK

Trong những qua, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang UK tăng liên tục từ 1,6 tỷ Bảng Anh (GBP) năm 2011 đến 4,9 tỷ GBP năm 2019. Đến năm 2020, mặc dù nền kinh tế của cả hai nước gặp khó khăn do tác động của dịch Covid-19, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang UK tuy có giảm so với năm 2019 (khoảng 16%), nhưng vẫn đạt 4,0 tỷ GBP năm 2020 (Hình 1). Việt Nam luôn duy trì thặng dư thương mại với UK và điều đó đã giúp Việt Nam bù đắp thâm hụt cán cân thương mại với các đối tác khác như Trung Quốc, Hàn Quốc và Thái Lan (WITS, 2020).

Hình 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang UK và cán cân thương mại, giai đoạn 2011-2020

Đơn vị: Tỷ GBP



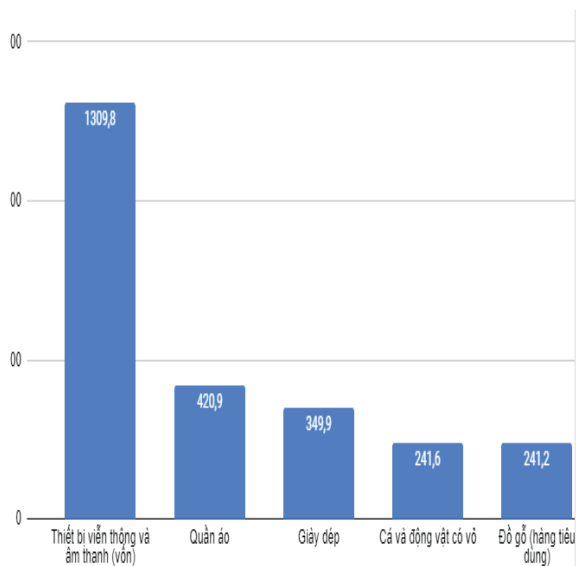
Nguồn: Department for International Trade, UK (2021).

Việt Nam chiếm chưa đến 1% thị phần trong tổng kim ngạch nhập khẩu của UK năm 2019 (Department for International Trade UK, 2021), chưa tương xứng với trị giá nhập khẩu khoảng 692 tỷ đô la Mỹ (USD) năm 2019 của UK (đứng vị trí thứ 5 trên thế giới sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản (WTO, 2021a).

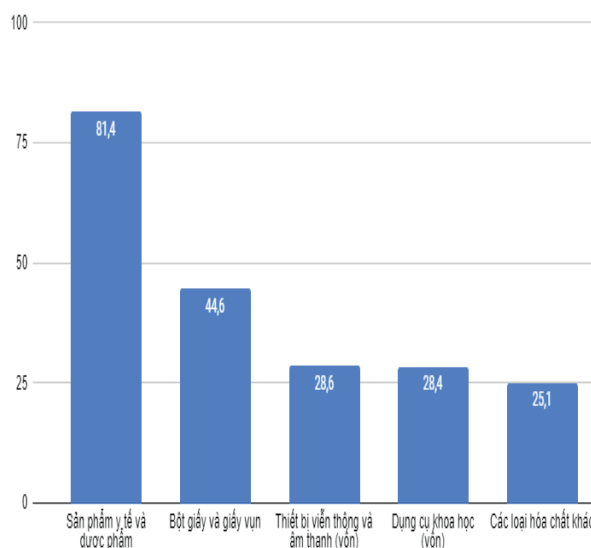
Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam so với UK mang tính bổ sung thay vì cạnh tranh. Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang UK thiết bị viễn thông và âm thanh, quần áo, giày dép, cá và động vật có vỏ, đồ gỗ. Đây là những mặt hàng Việt Nam sử dụng nhiều lao động, gia công lắp ráp, và có giá trị gia tăng thấp. Việt Nam nhập khẩu từ UK chủ yếu các sản phẩm y tế và dược phẩm, bột giấy và giấy vụn, thiết bị viễn thông và

âm thanh, dụng cụ khoa học, và các loại hóa chất khác (Hình 2a & Hình 2b). Trong khi đó, UK nhập khẩu tới hơn 97% là hàng hóa, và chỉ gần 3% là dịch vụ từ Việt Nam (Department for International Trade, UK, 2021).

Hình 2a: 5 nhóm mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang UK (triệu GBP)



Hình 2b: 5 nhóm mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam từ UK (triệu GBP)



Ghi chú: Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tính trong 4 quý đến hết quý 4 năm 2020.
 Nguồn: Department for International Trade, UK (2021).

Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang UK tập trung ở các vùng có mức thu nhập bình quân đầu người mức cao và trung bình. Vùng Đông Nam, Luân Đôn và Tây Bắc chiếm 54,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang UK năm 2020 (Trong đó, vùng Đông Nam: 39,3%, Luân Đôn: 8,7% và Tây bắc: 6,7%). Riêng vùng Bắc Ai-len và Xứ Wales chiếm tỷ trọng thấp nhất, khoảng 0,5% và 1,1% tương ứng, trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang UK (Department for International Trade, UK, 2021). Như vậy, cơ hội mở rộng thị trường cho hàng hóa Việt Nam tại các vùng khác ở UK là rất lớn trong thời gian tới.

6. Những cơ hội và trở ngại khi xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang UK trong bối cảnh thực hiện Hiệp định UKVFTA

6.1. Những cơ hội khi xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang UK trong bối cảnh thực hiện Hiệp định UKVFTA

Việc cam kết xóa bỏ phần lớn hàng rào thuế quan trong Hiệp định UKVFTA đang mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam xuất khẩu các mặt hàng có thế mạnh vào UK. Ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, nhiều mặt hàng Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu sang UK, đặc biệt là nhóm hàng nông, thủy sản được cắt giảm thuế bằng 0% (thuế nhập khẩu đối với hầu hết tôm nguyên liệu gồm tôm tươi, tôm đông lạnh, ướp lạnh vào UK sẽ giảm từ 10-20% xuống 0%; 94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả và các chế phẩm từ rau quả gồm vải, nhãn, chôm chôm, thanh long, dưa, dưa,... cũng sẽ được xóa bỏ ngay sau Hiệp định có hiệu lực). Sau 6 năm, kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, UK sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế (tương đương với 99,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam). Đáng chú ý là UK cam kết bổ sung về lượng hạn ngạch thuế quan đối với hơn 10 mặt hàng với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0% gồm gạo, trứng, tỏi, ngô ngọt, tinh bột sắn, surimi,... (VCCI, 2021a). Như vậy, UK là thị trường nhập khẩu tiềm năng các mặt hàng Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan, và là cơ hội để các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa của mình so với các đối thủ cạnh tranh mạnh đến từ Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ASEAN khác tại thị trường UK (Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines) khi các nước này chưa ký các hiệp

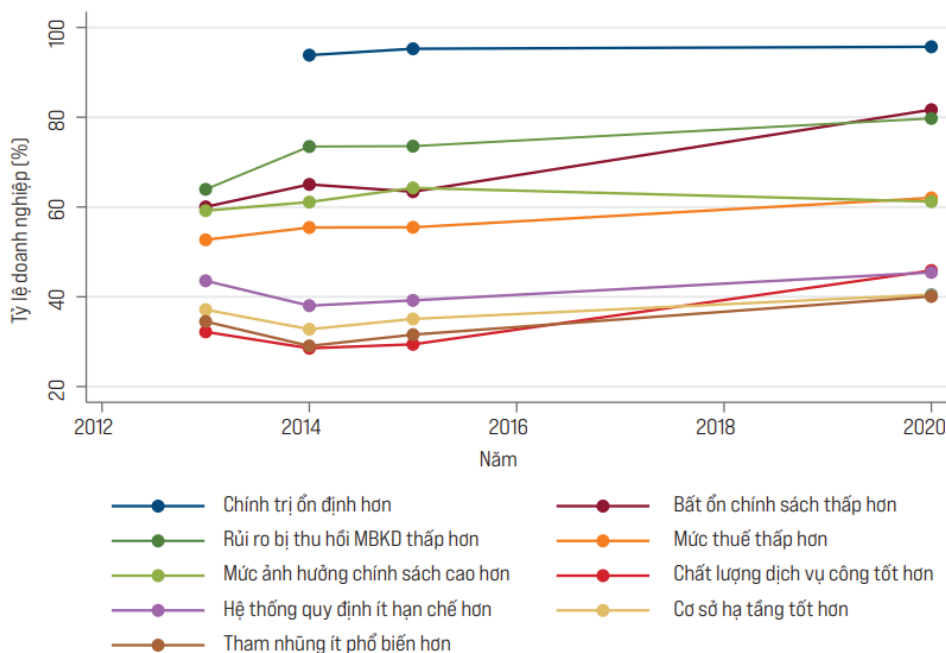
định FTA với UK.

Cùng với Hiệp định EVFTA, CPTPP, thực thi Hiệp định UKVFTA tạo cơ hội cho Việt Nam tiếp tục các chương trình cải cách trong nước vượt ra ngoài phạm vi của các vấn đề thương mại hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Ngoài các cam kết xóa bỏ các rào cản thuế quan và phi thuế quan, Hiệp định UKVFTA còn bao gồm cả các cam kết về các lĩnh vực phi truyền thống như tiêu chuẩn về lao động, sở hữu trí tuệ, môi trường, mua sắm của chính phủ, đầu tư, doanh nghiệp nhà nước, thương mại điện tử, phát triển bền vững. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách để vừa đảm bảo tuân thủ những quy định của các tổ chức quốc tế với tư cách là thành viên, đồng thời thực hiện nghiêm túc những chuẩn mực mới trong Hiệp định. Như vậy, việc thực thi Hiệp định UKVFTA cùng với các FTA khác khuyến khích Việt Nam cải cách thể chế, chính sách để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và sử dụng nguồn lực một cách có hiệu quả, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa của Việt Nam (Ngô Thị Tuyết Mai & cộng sự, 2021).

Quá trình thực hiện các cam kết trong Hiệp định UKVFTA tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tăng tiếp cận thị trường, liên kết với các doanh nghiệp FDI để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Cùng với việc thực thi các FTA khác, việc thực thi Hiệp định UKVFTA, bên cạnh việc dỡ bỏ dần các rào cản trong thương mại, việc thực thi các chính sách đối xử và bảo hộ đầu tư công bằng giữa các nhà đầu tư trong nước với nhà đầu tư nước ngoài,... tạo cho môi trường kinh doanh của Việt Nam trở nên minh bạch hơn, thuận lợi hơn, từ đó sẽ khuyến khích các tập đoàn công ty đa quốc gia có vốn lớn, công nghệ cao từ UK vào Việt Nam, hình thành các chuỗi giá trị toàn cầu mới. Trong khi đó, các chuỗi giá trị toàn cầu trên thế giới đang có xu hướng sẽ ít phụ thuộc hơn vào một số trung tâm sản xuất toàn cầu như Trung Quốc, mở đường cho Việt Nam tham gia vào để lấp đầy chỗ trống trong chuỗi cung ứng (WB, 2020). Đây cũng là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận các chuỗi cung ứng mới, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, thay thế cho những chuỗi cung ứng cũ và vốn đang bị đứt đoạn hoặc đình trệ tại các thị trường truyền thống do đại dịch Covid-19.

Trong quá trình thực thi Hiệp định UKVFTA, dòng vốn đầu tư trực tiếp chất lượng cao từ UK vào Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng lên. Điều này sẽ mang lại những cơ hội về chuyển giao công nghệ và phương thức quản lý hiện đại từ UK vào Việt Nam, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả xuất khẩu. Tính đến hết ngày 20 tháng 06 năm 2021, tổng vốn đầu tư đăng ký lũy kế của UK tại Việt Nam là 3.920,52 triệu

Hình 3: Các yếu tố thu hút đầu tư theo đánh giá của các doanh nghiệp FDI



Nguồn: VCCI (2021b).

USD, đứng thứ 15 trong số 140 quốc gia và vùng lãnh thổ đang có dự án đầu tư tại Việt Nam (Cục Đầu tư Nước ngoài, 2021). Quy mô vốn đầu tư của UK vào Việt Nam được đánh giá là chưa phản ánh đúng với tiềm năng của nước này – hiện đang là một trong 10 nước FDI ra nước ngoài lớn nhất với khoảng 32 tỷ USD năm 2019 (UNCTAD, 2020). Thực thi Hiệp định, Việt Nam kỳ vọng có cơ hội thu hút đầu tư trực tiếp từ UK vào các lĩnh vực UK có thế mạnh như dịch vụ tài chính, bảo hiểm, giáo dục, hóa chất, công nghệ cao, năng lượng tái tạo, dược phẩm,...

Trong những năm qua, môi trường kinh doanh của Việt Nam được cải thiện đáng kể ở hầu hết các tiêu chí (theo cảm nhận của nhà đầu tư nước ngoài) (VCCI, 2021b). Trong đó, các yếu tố được các doanh nghiệp FDI đánh giá cao, đứng đầu là môi trường chính trị ổn định (hơn 90% doanh nghiệp FDI hài lòng). Tiếp theo là rủi ro bị thu hồi mặt bằng kinh doanh thấp và rủi ro bất ổn chính sách thấp (tăng từ 64% và 60% doanh nghiệp FDI năm 2013 đến xấp xỉ 80% năm 2020) (Hình 3).

6.2. Những trở ngại khi xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang UK trong bối cảnh thực hiện Hiệp định UKVFTA

Nhận thức và hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về FTA nói chung, Hiệp định UKVFTA nói riêng còn hạn chế. Mặc dù các nỗ lực tuyên truyền phổ biến chung về hội nhập quốc tế, nhưng kết quả ban đầu đạt được mới chỉ là trên bề mặt, chưa đi vào chiều sâu. Thực tế cho thấy chỉ có 69% doanh nghiệp được khảo sát mới nghe nói hoặc biết sơ bộ về Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), cao hơn tất cả các FTA khác; chỉ có 25% doanh nghiệp có hiểu biết nhất định về Hiệp định CPTPP (VCCI, 2021c).

Chi phí thương mại nói chung và chi phí của các biện pháp phi thuế quan nói riêng của Việt Nam (số lượng các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục và biểu mẫu liên quan) cao hơn so với hầu hết các nước khác trong ASEAN. Các quy định về các biện pháp phi thuế quan, đặc biệt là các biện pháp SPS vẫn còn phức tạp, khiến tỷ lệ chi phí tuân thủ các biện pháp này ở Việt Nam cao hơn so với hết các nước ASEAN khác đã hạn chế năng lực thương mại của Việt Nam và lợi ích tiềm năng từ Hiệp định EVFTA (WB, 2020). Báo cáo của VCCI (2021b), cũng cho kết quả tương tự, chỉ có 45,5% doanh nghiệp đánh giá Việt Nam có hệ thống thủ tục, quy định thuận lợi hơn các quốc gia khác mà họ đã cân nhắc đầu tư.

Việc tuân thủ các quy tắc xuất xứ là một trong những trở ngại lớn trong quá trình thực hiện Hiệp định UKVFTA để Việt Nam tối đa hóa lợi ích. Các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu tham gia vào những công đoạn lắp ráp sản xuất đơn giản trong chuỗi giá trị toàn cầu và sự phụ thuộc phần lớn vào nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu là từ Trung Quốc và ASEAN để sản xuất xuất khẩu là rào cản chính ngăn các doanh nghiệp Việt Nam tận dụng tối đa lợi ích từ việc giảm thuế quan trong các FTA (WB, 2020). Tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan theo các FTA thế hệ mới hiện rất thấp (Chỉ đạt 14,8% theo Hiệp định EVFTA, và 4% theo Hiệp định CPTPP năm 2020) (WTO, 2021b).

Các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng rất cao đối với hàng hóa nhập khẩu từ phía UK là các rào cản lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt đối với hàng nông sản, thủy sản, UK không chỉ đòi hỏi tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm, dư lượng hóa chất mà còn chú trọng đến yếu tố môi trường, phát triển bền vững, ... Trong khi đó, do tính chất sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, và việc kiểm soát sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất trong sản xuất nông nghiệp của Việt Nam còn hạn chế, nên hàng nông sản xuất khẩu thiếu tính đồng nhất trong từng lô hàng, một số sản phẩm vẫn còn tồn tại dư lượng thuốc kháng sinh hoặc thuốc bảo vệ thực vật, ... nên rất khó khăn để vượt qua những rào cản này.

7. Khuyến nghị chính sách

Để tiếp tục tận dụng được những cơ hội từ các FTA nói chung, Hiệp định UKVFTA nói riêng, góp phần tháo gỡ những trở ngại nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang UK trong thời gian tới, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về Hiệp định UKVFTA, và những quy định, chính sách của Việt Nam liên quan đến xuất khẩu sang UK. Theo đó, cần tăng cường tuyên truyền, tập huấn theo phương thức trực tuyến, phù hợp với diễn biến dịch Covid-19 phức tạp hiện nay. Nội dung tuyên truyền, tập huấn theo các chủ đề cụ thể trong Hiệp định (cắt giảm thuế quan, quy tắc xuất xứ, SPS, lao động, sở hữu trí tuệ, môi trường, ...) và các chính sách của Nhà nước, gắn với các tình huống cụ thể xảy ra trong thực tiễn, phù hợp cho từng nhóm đối tượng doanh nghiệp trong cùng ngành/lĩnh vực hoặc có mối quan tâm chung.

Ngoài ra, cần có cơ chế khuyến khích sự phối hợp và kết nối các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn cho các doanh nghiệp không chỉ nhận biết mà còn biết cách tận dụng những cơ hội, giảm thiểu những trở ngại khi xuất khẩu hàng hóa sang UK.

Thứ hai, Nhà nước cần tích cực sửa đổi, bổ sung luật, chính sách theo hướng minh bạch, đồng bộ và phù hợp với các cam kết quốc tế nhằm khai thác tốt nhất các lợi ích trong quá trình thực hiện Hiệp định UKVFTA mang lại. Đảm bảo quá trình sửa đổi luật (Luật Công đoàn, Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Luật Sở hữu Trí tuệ,...), chính sách không chỉ tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, cạnh tranh lành mạnh mà còn khuyến khích đổi mới công nghệ, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng hàng xuất khẩu. Bên cạnh đó, cần có chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào phát triển công nghiệp phụ trợ. Trong đó, cần tập trung khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ cho các ngành nông nghiệp, dệt may, giày dép, thiết bị điện và điện tử... để giảm bớt tình trạng phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài trong hoạt động sản xuất, xuất khẩu sang UK.

Thứ ba, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và tác động của cách mạng 4.0. Cần có cơ chế chính sách và đãi ngộ hợp lý để xây dựng đội ngũ nghiên cứu đầu ngành về khoa học công nghệ, đồng thời xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ phân tích, đánh giá và dự báo thị trường hàng hoá tại UK; đào tạo mới và đào tạo lại người lao động có tay nghề cao, sẵn sàng ứng dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín ở nước ngoài; kết hợp giữa đào tạo với hoạt động nghiên cứu, và ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất phục vụ xuất khẩu.

Thứ tư, đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động xúc tiến xuất khẩu sang thị trường UK để hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng tốt những cơ hội và vượt qua được những trở ngại khi thực thi Hiệp định UKVFTA. Trong đó, cần chú trọng phân loại và thực hiện phương thức xúc tiến xuất khẩu theo sản phẩm, ngành hàng mà người tiêu dùng UK có nhu cầu, và Việt Nam có lợi thế. Có sự phối hợp thường xuyên và nhịp nhàng hơn giữa các cơ quan Chính phủ, các tổ chức xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài, và các doanh nghiệp xuất khẩu để tránh chồng chéo, đưa thông tin sai lệch, lãng phí trong hoạt động xúc tiến xuất khẩu. Đặc biệt, trước tình hình dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp như hiện nay, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến xuất khẩu nhằm tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả. Cùng cố công tác tổ chức và tăng cường trách nhiệm cho các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở UK trong hoạt động giới thiệu, quảng bá và trợ giúp các doanh nghiệp tiếp cận và thâm nhập được thị trường này.

Tóm lại, trong bối cảnh thực thi Hiệp định UKVFTA, khả năng mở rộng và phát triển thị trường xuất khẩu của Việt Nam tại UK là rất lớn. Vấn đề đặt ra là Việt Nam cần phải nhanh chóng giải quyết những vấn đề còn tồn tại để giúp các doanh nghiệp nhận diện, và biết cách tận dụng tối ưu những cơ hội của Hiệp định để thúc đẩy xuất khẩu sang UK tương ứng với lợi thế và tiềm năng của cả hai bên, góp phần đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Allen, R.L. (1963), 'Review of the theory of economic integration, by Bela Balassa', *Economic Development and Cultural Change*, 11(4), 449-454.
- Arora, R. & Stoner, Ch. (2009), 'A mixed method approach to understanding brand personality', *Journal of Product & Brand Management*, 18(4), 272-283.
- Baker, P., Vanzetti, D., Huong, P.T.L., Thang, T.C., Thuy, N.T.X. & Duong, N.A. (2017), *Impact Assessment EU-Vietnam FTA*, MUTRAP.
- Balassa, B. (1961), *The Theory of Economic Integration*, Homewood, IL: R. D. Irwin, Inc., retrieved on January 01st 2021, from <<http://www.jstor.org/discover/10.2307/2228684?uid=3738200&uid=2&uid=4&sid=21101488102823>>.
- Bao, Ha Cong Anh (2016), 'The Panorama for Vietnam's Timber industry with Vietnam – EU free trade agreement (EVFTA): Opportunities and challenges', *SECO?WTI Academic Cooperation Project Working Paper Series 2016/05*, SECO/WTI Academic Cooperation.

-
- Bhagawati, J.N. (1970), 'Trade diverting customs unions and welfare improvement: A clarification', *Working Paper Number 56*, Department of Economics.
- Brada, J.C. & Mendez, J.A. (1988), 'An estimate of the dynamic effects of economic integration', *The Review of Economics and Statistics*, 70(1), 163-168.
- Burfisher, M.E. (ed., 2002), 'U.S. Agriculture in the Free Trade Area of the Americas', in *Economic Research Service, Agricultural Economic Report*, U.S. Department of Agriculture, Washington DC.
- Cooper, C.A. & Massell, B.F. (1965), 'A new look at customs union theory', *The Economic Journal*, 75 (300), 742-747.
- Creswell, J.W. & Poth, C.N. (2016), *Qualitative inquiry and research design: Choosing among five approaches*, Sage publications.
- Cục Đầu tư Nước ngoài (2021), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo đối tác*, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 06 năm 2021, từ <<https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/457641e2-2605-4632-bbd8-39ee65454a06/NewsID/0967cbf3-5c28-4a3a-be94-177cf1a4920f>>.
- De Melo, J. & Panagariya, A. (1993), 'Introduction', in *New Dimensions in Regional Integration*, De Melo, J. & Panagariya, A. (Eds.), Cambridge University Press.
- Denzin, N.K. & Lincoln, Y.S. (1984), *Handbook of Qualitative Research*, Newbury Park: Sage Publications.
- Department for International Trade, United Kingdom (2021), *Trade & Investment Factsheets*, retrieved on June 26th 2021, from <https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/993785/vietnam-trade-and-investment-factsheet-2021-06-18.pdf>.
- Dordi, C. (2016), 'Impacts of the EVFTA on the EU's and Vietnam's enterprises legal issues', presentation at *the EU-Vietnam Free Trade Agreement – Legal Issues Workshop*, Hanoi Law University.
- El-Agra, A.M. (1988), *International Economic Integration*, London: Macmillan.
- Fernandez, R. (1997), 'Returns to regionalism: An evaluation of nontraditional gains from regional trade agreements', *World Bank Policy Research, Working Paper no.1816*, Washington, D.C.: World Bank.
- Goldstein, A. (2002), 'The new regionalism in Sub-Saharan Africa: More than meets the eye?', *OECD Development Center policy Brief no.20*, France: Organization for Economic Co-operation and Development
- Kassim, L. (2013), 'The impact of trade liberalization on export growth and import growth in Sub-Saharan Africa', presentation at *Scottish Economic Society Annual Conference*, University of Kent, April 7th-9th.
- Lipsey, R. (1957), 'The theory of customs unions: Trade diversion and welfare', *Economica*, 24, 40-46.
- Mays, N. & Pope, C. (1996), *Qualitative research in health care*, London: British Medical Journal (BMJ) Publishing Group.
- Meade, J. (1955), *The Theory of Customs Unions*, Amsterdam: North-Holland, retrieved on June 26th 2021, from <<http://www.getcited.org/pub/10205796>>.
- Ngô Thị Tuyết Mai & Nguyễn Như Bình (biên soạn, 2019), *Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
- Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Phương Anh, Đinh Thảo Vân, Đỗ Mạnh Hoàng, Đào Thùy Linh & Đặng Quang Bình (2021), 'Nhìn lại 5 năm xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hàn Quốc trong bối cảnh thực thi VKFTA', *Tạp chí Kinh tế và Dự Báo*, 13, 17-19.
- Nguyen, Binh Duong (2016), 'Vietnam-EU Free Trade Agreement: Impact and Policy Implications for Vietnam', *Working Paper No.07/June 2016*, SECO/WTI Academic Cooperation Project, the World Trade Institute of the University of Bern, Switzerland
- Nguyen, T.H. & Trinh, T.N. (2021), 'Impacts of EVFTA on exportation of Vietnamese agricultural products to the EU market', *JIEM*, 21(1), 1-23.
- Nguyễn Tiến Hoàng & Phạm Văn Phúc Tân (2020), 'Tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU', *Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế*, 125-140
- Pomfret, R. (1997), *The economics of regional trading arrangements*, Oxford: Clarendon Press.
- Saunders, M.N.K., Lewis, P. & Thornhill, A. (2019), *Research Methods for Business Students*, 8th edition, Pearson.
- Schiff, M. & Winters, L.A. (1998), 'Dynamics and politics in regional integration arrangements: An introduction', *The*
-

World Bank Economic Review, 12(2), 177-195.

- Sheer, A. (1981), 'A survey of the political economy of customs unions', *Law and Contemporary Problems*, 44(3), 33-53.
- Snatos - Paulino, A.U. (2002b), 'Trade liberalization and export performance in selected developing countries', *Journal of development studies*, 39(1), 140-164.
- Tran, T.D., Bui T.V., Vu M.N., Pham S.T., Truong M.H., Dang T.T. & Trinh V.T. (2021), 'Impact of EVFTA on trade flows of fruits between Vietnam and the EU', *Journal of Asian Finance, Economic and Business*, 8(5), 0607-0616.
- UNCTAD (2020), *World Investment Report 2020*, United Nations, Geneva.
- VCCI (2021a), *Full Text of UKVFTA*, truy cập lần cuối ngày 01 tháng 01 năm 2021, từ <<https://wtocenter.vn/chuyen-de/16671-full-text-of-ukvfta>>.
- VCCI (2021b), *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam- Đánh giá chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2021, từ <<https://pcivietnam.vn/an-pham/bao-cao-pci-2020-ct185>>.
- VCCI (2021c), *Báo cáo tóm tắt Việt Nam sau hai năm thực thi Hiệp định CPTPP từ góc nhìn doanh nghiệp*, Hà Nội.
- Viner, J. (1950), 'The customs union issue', proceeding of *Carnegie Endowment for International Peace*, ASIN: B0000FG CS0, 41-55.
- Vo, T.T., Le, Q.H. & Hoang, T.H. (2018), 'Effects of EVFTA on Vietnam's apparel exports: an application of WITS-SMART simulation model', *Journal of Asian Business and Economic Studies*, 25(2), 4-28.
- WB (2020), *Vietnam: Deepening International Integration and Implementing the EVFTA*, retrieved on May 1st 2021, from <<https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/33787/Vietnam-Deepening-International-Integration-and-Implementing-the-EVFTA-VI.pdf?sequence=4&isAllowed=y>>.
- WB (2021), *the World ranking*, retrieved on May 1st 2021, from <<https://databank.worldbank.org/data/download/GDP.pdf>>.
- WITS (2020), *Vietnam trade balance, export and imports by country 2019*, retrieved on May 1st 2021, from <<https://wits.worldbank.org/CountryProfile/en/Country/VNM/Year/2019/TradeFlow/EXPIMP/Partner/by-country#>>.
- WTO (2021a), *Tỷ lệ tận dụng C/O ưu đãi theo các hiệp định thương mại của Việt Nam qua các năm*, truy cập lần cuối ngày 17 tháng 8 năm 2021, từ <<https://trungtamwto.vn/file/20980/bang-tan-dung-uu-dai-ftas-qua-tung-nam--vn-2020.pdf>>.
- WTO (2021b), *World Trade Statistical Review 2020*, truy cập lần cuối ngày 17 tháng 8 năm 2021, từ <https://www.wto.org/english/res_e/statis_e/wts2020_e/wts2020chapter06_e.pdf>.